

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TẠI SINGAPORE TRONG TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ HỘI NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)

VŨ HỮU MẠNH*

Tóm tắt: Thông qua việc phân tích một số nội dung trong khuôn khổ hợp tác đầu tư tại khu vực ASEAN và thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Singapore, tác giả nêu bật những thành quả đã đạt được của Singapore khi tham gia ký kết Hiệp định Đầu tư toàn diện (ACIA) và gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) cũng như những vấn đề cấp thiết đang tác động đến mức độ tăng trưởng FDI từ các nước thành viên trong khu vực. Singapore nói riêng, AEC nói chung cần giữ vững những thành quả đã đạt được, đồng thời cần đưa ra những phương pháp nhằm nâng cao cấp độ liên kết, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, loại bỏ tối đa những điều kiện hạn chế và trở ngại về đầu tư đang diễn ra trong khu vực. Qua đó, không chỉ Singapore mà cả AEC được hưởng lợi từ năng lực cạnh tranh vượt bậc của Singapore và khu vực.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, Singapore, Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

Singapore, một quốc đảo có diện tích hạn chế tại khu vực Đông Nam Á với chỉ gần 60 năm lịch sử hình thành và phát triển, đã nhanh chóng vươn lên, trở thành một quốc gia phát triển và lọt top các quốc gia giàu mạnh nhất thế giới. Một trong những định hướng phát triển xuyên suốt của Chính phủ Singapore là hoạt động mở rộng tự do hoá thương mại và tập trung thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Theo “*Báo cáo Đầu tư Thế giới 2019*” của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát

triển (UNCTAD United Nations Conference on Trade and Development), năm 2018, Singapore đứng thứ tư trên thế giới về dòng vốn đầu tư nước ngoài, chỉ sau Mỹ, Trung Quốc, và Hồng Kông. Dòng vốn đầu tư nước ngoài đã tăng từ 75,72 tỷ USD năm 2017 lên 77,65 tỷ USD năm 2018, và đạt con số cao nhất trong lịch sử⁽¹⁾.

Đào quốc sư tử nổi tiếng đối với kinh tế thế giới bởi hệ thống chính sách công bằng, minh bạch, có nhiều ưu đãi đối với

* Vũ Hữu Mạnh, Tổng công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel

các nhà đầu tư nước ngoài, nền chính trị ổn định và tham nhũng được kiểm soát chặt chẽ, nguồn nhân lực chất lượng cao và đa sắc tộc. Singapore liên tục được Ngân hàng thế giới (WB - The World Bank) đánh giá là quốc gia có Chỉ số thuận lợi kinh doanh (EBDI Ease of Doing Business Index) cao nhất trên thế giới từ năm 2003 đến 2017. Năm 2018, Singapore được xếp hạng ở vị trí thứ 2, sau New Zealand⁽²⁾. Thứ hạng cao như vậy chứng tỏ rằng Singapore là một trong những quốc gia có các quy tắc cho kinh doanh tốt nhất, đơn giản nhất và bảo vệ quyền sở hữu của các nhà đầu tư mạnh nhất.

Theo số liệu thống kê trong "Báo cáo Đầu tư Thế giới năm 2019" của UNCTAD, Singapore là quốc gia đứng đầu trong lĩnh vực thu hút dòng vốn FDI tại khu vực Đông Nam Á. Thông qua các Hiệp định như: Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN (ATIGA), Hiệp định Khung về Dịch vụ ASEAN (AFAS), Hiệp định về Di chuyển thể nhân trong ASEAN, Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA), và Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau về nội số lĩnh vực dịch vụ, môi trường đầu tư giữa các nước thành viên ASEAN ngày một thuận lợi và cải thiện hơn, định hướng hình thành AEC. Mục tiêu của AEC là tạo ra một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung của 650 triệu dân, với tổng GDP 3.000 tỷ USD⁽³⁾, một khu vực kinh tế cạnh tranh, phát triển cân bằng, và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Là một thành viên trong AEC, Singapore có nhiều cơ hội hơn nữa trong việc thu hút dòng vốn FDI vào lãnh thổ quốc gia, nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức nhất định cho Đảo quốc sư tử trong thời kỳ hội nhập kinh tế; bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có dấu hiệu tăng

trường giảm sút theo dự báo của nhiều tổ chức quốc tế như IMF, WB, WTO,...; tình hình chính trị có nhiều biến động, tiến trình hoà bình và hoà giải giữa Triều Tiên với Mỹ và Hàn Quốc còn đặt ra nhiều dấu hỏi chưa có lời giải..

Là một quốc gia đứng đầu trong khu vực về thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, Singapore đã đạt được thêm nhiều thành quả mới nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức mới trong việc thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài từ các quốc gia thành viên ASEAN (AMS - ASEAN Member States) trong tiến trình hình thành và hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Trên cơ sở phân tích một số nội dung khuôn khổ hợp tác đầu tư trong ASEAN, bài viết đánh giá về thực trạng thu hút FDI của Singapore trong thời gian qua cũng như các vấn đề đặt ra trong thời gian tới.

1. Khái quát khuôn khổ hợp tác đầu tư trong ASEAN và AEC

Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA The ASEAN Comprehensive on Investment Agreement) được ký kết vào ngày 29/02/2012, chính thức có hiệu lực từ ngày 29/03/2012, với mục đích thúc đẩy tiến trình xây dựng một khu vực đầu tư tự do, mở cửa, minh bạch và hội nhập trong ASEAN và hướng tới mục tiêu hội nhập kinh tế trong AEC. ACIA ra đời thay thế cho Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư ASEAN (IGA) 1987 và Khu vực đầu tư ASEAN (AIA).

Trong quá trình thực hiện, các nước thành viên đã đưa ra phương pháp cắt giảm những rào cản đầu tư trong khu vực, tiến hành sửa đổi các cam kết của thoả thuận nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng về

hội nhập kinh tế trong ASEAN, phù hợp với Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint).

Với mục tiêu xây dựng môi trường đầu tư tự do và mở cửa, các nước thành viên ASEAN (AMS) đã đề ra Phương thức cắt giảm các rào cản đầu tư giữa các nước ASEAN. Mục tiêu của Phương thức này là để cung cấp cho AMS một cách tiếp cận có cấu trúc theo giai đoạn dựa trên AEC Blueprint để giảm thiểu hoặc loại bỏ dần những hạn chế và trở ngại về đầu tư của các nước thành viên. Phương thức này bao gồm 3 cấu thành:

- Cấu thành 1: Những hạn chế không cần loại bỏ hoặc cải thiện. Thành phần này bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng và sở hữu đất đai, các biện pháp được quy định theo công ước quốc tế nơi đầu tư bị hạn chế, những ngoại lệ chung, những ngoại lệ về an ninh, và Hiến pháp ràng buộc của các quốc gia.

- Cấu thành 2: Những hạn chế cần loại bỏ hoặc cải thiện. Đó là những hạn chế mà mỗi quốc gia thành viên tự lựa chọn để loại bỏ hoặc cải thiện trong ba giai đoạn của Lộ trình chiến lược Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC. Các quốc gia sẽ ưu tiên loại bỏ những hạn chế trong ACIA đã từng được đưa ra trong Danh sách loại trừ tạm thời trong Hiệp định Khu vực đầu tư ASEAN trước đó.

- Cấu thành 3: Cơ chế đánh giá ngang hàng của Ban điều phối đầu tư ASEAN (CCI Coordinating Committee in Investment).

Cơ chế này nhằm mục đích giám sát việc tuân thủ theo Phương thức đã đề ra của các nước thành viên về việc loại bỏ hoặc cải thiện các hạn chế và trở ngại

trong đầu tư. Công tác đánh giá sẽ là một phần của chương trình nghị sự trong tất cả các cuộc họp của CCI, và sẽ bao gồm: (i) Báo cáo của tất cả các quốc gia thành viên về những tiến bộ đã đạt được, nếu có, trong việc thực hiện Phương thức loại bỏ/cải thiện những hạn chế và trở ngại về đầu tư. (ii) Sự thảo luận về bất kỳ sự hạn chế nào mới liên quan đến các ngành, tiểu ngành, ngành công nghiệp, sản phẩm hay hoạt động mới; hoặc của các ngành, tiểu ngành, ngành công nghiệp, sản phẩm, hay hoạt động đang diễn ra mà chưa được kiểm soát tại thời điểm đưa ra Danh sách các điều kiện hạn chế (List of Reversations) ban đầu của ACIA. (iii) Sự thảo luận và làm rõ những quan điểm về việc loại bỏ hoặc cải thiện các hạn chế và trở ngại trong tương lai. Tuy nhiên, bất cứ sự thay đổi nào trong Danh sách hạn chế của ACIA được đưa ra trong quá trình đánh giá ngang hàng CCI sẽ tuân thủ theo Điều 10 (Sửa đổi các Cam kết) của Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN⁽⁴⁾.

Năm 2014, Nghị định thư sửa đổi ACIA đầu tiên được các quốc gia thành viên ký kết để làm rõ Điều 9 (Các Hạn chế) và Điều 10 (Sửa đổi các Cam kết) của ACIA và để áp dụng một cơ chế tác động hiệu quả đến bất kể những thay đổi nào trong Danh sách hạn chế của mỗi thành viên. Trước yêu cầu cần sửa đổi, điều chỉnh hoặc rút lại các cam kết và hạn chế của ACIA để cải thiện cơ chế đầu tư trong khu vực, định hướng tự do hoá đầu tư giữa AMS, hội nhập kinh tế trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN, các nước thành viên đã xây dựng một Quy trình thủ tục để hướng dẫn thực hiện, kiểm soát, và tác động đến những sửa đổi, điều chỉnh hoặc rút lại các cam kết và hạn chế của Hiệp định⁽⁵⁾.

Năm 2017, nhận thấy sự khác nhau trong hệ thống quản trị của mỗi quốc gia thành viên về cách đối xử với người thường trú dưới điều kiện ACIA, các nước thành viên đã thảo luận và ký kết Nghị định thư sửa đổi ACIA thứ hai. Đầu tiên, văn bản này đã làm rõ hơn về định nghĩa “*Thể nhân*” trong khuôn khổ ACIA⁽⁶⁾. Theo đó, các đoạn 1, đoạn 6 trong Diễn giải về Danh sách các điều kiện hạn chế của ACIA sẽ bị xoá bỏ⁽⁷⁾. Định nghĩa này mở ra một sự công bằng, minh bạch hơn cho những nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư tại các quốc gia thành viên khác trong khu vực. Việc loại bỏ được đồng thời hai trong tám những điều kiện hạn chế của ACIA có thể được coi là một bước tiến mới trong tiến trình xây dựng một chế độ đầu tư tự do và mở cửa giữa các nước thành viên, phù hợp với định hướng tự do hoá đầu tư của Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Ngoài ra, Nghị định thư sửa đổi số 2 còn chỉnh sửa hai nội dung trong Điều 7 của ACIA nhằm nâng cao hơn nữa chức năng đánh giá, kiểm soát những yêu cầu thực hiện hiện có của các quốc gia thành viên và khuyến khích, tạo điều kiện cho các quốc gia chưa gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tuân thủ các cam kết gia nhập với tổ chức này⁽⁸⁾. Hành động này của AMS thể hiện rõ mục tiêu Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu của AEC.

Năm 2018, thông qua những kết quả đánh giá hàng năm của Hội đồng Khu vực Đầu tư AESAN, và thông qua Nghị định thư sửa đổi ACIA lần thứ 3, các quốc gia thành viên đã chính thức loại bỏ thêm một trong tám những hạn chế trong Danh sách các Điều kiện hạn chế của ACIA. AMS đã đồng thống nhất xoá bỏ đoạn 8 về những hạn chế trong việc giới hạn các nhà đầu tư nước ngoài vào Thái Lan do những quy

định trong Đạo luật Kinh doanh nước ngoài B.E.254 (1999) của nước này⁽⁹⁾.

Năm 2019, nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của tất cả thành viên AEC về quan điểm ACIA cần được cải thiện hơn, Nghị định thư sửa đổi ACIA lần thứ 4 đã được ký kết, đánh dấu một bước ngoặt phát triển lịch sử trong mối quan hệ hợp tác đầu tư nội khối các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Thông qua Nghị định thư sửa đổi này, lần đầu tiên vấn đề kiểm soát những yêu cầu thực hiện được AMS thảo luận, thống nhất, và đưa ra các cam kết cụ thể với mục tiêu ngăn cấm sự áp đặt các yêu cầu thực hiện của chính phủ các nước đối với các nhà đầu tư trên lãnh thổ quốc gia mình. Cụ thể, chính phủ các nước thành viên yêu cầu các nhà đầu tư cam kết đạt được những mục tiêu nhất định như là một điều kiện để gia nhập hoặc mở rộng đầu tư tại quốc gia mình. Điều này có khả năng làm sai lệch các quyết định đầu tư hay nghiêm trọng hơn là hành động ngăn cản đầu tư. Chính sách này đã đi trái lại với mục tiêu ban đầu của ACIA và AEC mà các quốc gia đã ký kết và tuyên bố gia nhập. Để loại bỏ những sự kiểm chế này, Singapore đã đề xuất một loạt các yêu cầu thực hiện mà các chính phủ nên bị cấm áp đặt lên các nhà đầu tư, và kết hợp những yêu cầu này với ACIA như là một cam kết bắt buộc đối với AMS. Cuối cùng, tất cả các quốc gia đều hài lòng (i) đưa ra những cam kết thực hiện, xây dựng một danh sách rõ ràng những yêu cầu thực hiện bắt buộc (những yêu cầu liên quan đến các điều kiện để tham gia và vận hành đầu tư), những yêu cầu thực hiện không bắt buộc (những yêu cầu liên quan đến quyền truy cập hoặc tiếp tục truy cập tới lợi ích hoặc lợi thế), và quan trọng nhất, những yêu cầu thực hiện

bị cấm trong khuôn khổ ACIA; (ii) mở rộng phạm vi áp dụng đối với cả hai gia đoạn đầu tư, trước và sau khi thành lập. Bước tiến bộ trong sửa đổi, bổ sung các cam kết trong ACIA của AMS đã vượt quá các cam kết trong Hiệp định các Biện pháp Đầu tư của WTO, chứng tỏ một sự trưởng thành vượt bậc trong mối quan hệ hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, khẳng định một lần nữa mục tiêu Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu của Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

2. Thực trạng dòng vốn FDI tại Singapore

Dòng vốn FDI vào Singapore đạt 78 tỷ USD năm 2018, chiếm hơn 50% dòng vốn đầu tư vào khu vực ASEAN (149 tỷ USD). Tổng số vốn đầu tư trực tiếp tại Singapore tăng 6,3% từ 1.393 tỷ USD năm 2017 lên 1.481 tỷ USD năm 2018 (xem bảng 1).

Mỹ là quốc gia đầu tư 21,6% tổng số vốn đầu tư nước ngoài tại Singapore năm 2017, sau đó đến Quần đảo Cayman (8,8%), Quần đảo British Virgin (8%) (xem bảng 2). Theo dữ liệu của Văn phòng đại diện Thương mại Mỹ, năm 2018, tổng số vốn FDI lũy tiến của Mỹ đầu tư tại

Singapore đạt 218,8 tỷ USD, giảm 20,2% so với năm 2017. Điều này phù hợp với sự sụt giảm toàn cầu trong đầu tư của Mỹ do sự cải cách thuế năm 2017. Tuy nhiên, đầu năm 2019, tổng số vốn FDI lũy tiến của Mỹ vào Singapore đã tăng trở lại và đạt mốc kỷ lục mới, 244 tỷ USD⁽¹⁰⁾. Số vốn của các nhà đầu tư Mỹ chủ yếu được đầu tư vào các ngành dịch vụ tài chính & bảo hiểm, ngành sản xuất, và thương mại buôn bán. Có những nguyên nhân chính khiến Mỹ luôn là quốc gia đầu tư mạnh nhất tại Singapore: (i) Việc Mỹ đầu tư tại Singapore đã có lịch sử lâu dài khi Mỹ là một trong những quốc gia đầu tiên đầu tư vào ngành công nghiệp sản xuất còn non trẻ của quốc gia này. Vị Bộ trưởng Ngoại giao Singapore, Vivian Balakrishnan đã nhắc đến hai công ty của Mỹ, Texas Instruments và HP, là những nhà đầu tư đã mang công nghệ đến với Singapore trong thời kỳ đầu phát triển của quốc gia. Trong lĩnh vực sản xuất, FDI từ Mỹ vào Singapore cao hơn gần 50% so với tất cả các khoản đầu tư của các quốc gia khu vực châu Á. Trong lĩnh vực dịch vụ tài chính & bảo hiểm, tổng số vốn đầu tư của các nhà đầu tư Mỹ cao hơn 60% tổng số vốn của các quốc gia EU⁽¹¹⁾.

Bảng 1. Vốn đầu tư trực tiếp tại Singapore giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị: tỷ USD

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	2016	2017	2018
Dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đầu tư vào ASEAN	117	144	149
Dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đầu tư vào Singapore	74	76	78
Tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đầu tư tại ASEAN	1.908	2.266	2.381
Tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đầu tư tại Singapore	1.113	1.393	1.481

Nguồn: United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD) 2019, Statistics Data, Switzerland.

Bảng 2. Danh sách các quốc gia, khu vực đầu tư tại Singapore năm 2017

Quốc gia	Tỷ lệ %
Mỹ	21,6
Quần đảo Cayman	8,8
Quần đảo British Virgin	8,0
Hà Lan	7,8
Nhật Bản	6,4
Vương Quốc Anh	5,4
Cộng hoà Séc	4,3
Bermuda	4,1
Hồng Kông	3,9
Thụy Sĩ	2,6
Khu vực ASEAN	3,0
Các quốc gia khác	27,1

Nguồn: Cục Thống kê Singapore (DOS - Department of Statistics Singapore),
Dữ liệu thống kê năm 2019

(ii) Định hướng phát triển lĩnh vực công nghệ của Singapore phù hợp với thế mạnh của các Doanh nghiệp Mỹ, hơn nữa, Singapore cũng coi Mỹ là đối tác chiến lược trong việc giúp đỡ quốc gia này và khu vực có vị thế cạnh tranh kinh tế cao hơn trong tương lai. (iii) Ngoài những đóng góp trực tiếp vào nền kinh tế của 2 quốc gia, Mỹ và Singapore còn hợp tác để tạo những ảnh hưởng lớn hơn trong khu vực và trên thế giới. Mỹ và Singapore cùng đưa ra một cơ chế đặc biệt để tăng cường sự hợp tác của 2 quốc gia vì lợi ích chung của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cụ thể là Chương trình đào tạo quốc gia thứ 3 (TCTP - The Third Country Training Program) đã được xây dựng với mục đích cung cấp sự hỗ trợ và đào tạo về công nghệ cho các quốc gia thành viên ASEAN, tập trung vào sự kết nối, phát triển bền vững và khả năng phục hồi của khu vực. (Bảng 2).

Đối với ASEAN, FDI từ các quốc gia trong khu vực vào Singapore còn rất hạn

chế, chỉ chiếm khoảng 3% trên tổng số vốn FDI tại Singapore, đạt 41 tỷ USD (2017). Dòng vốn FDI đầu tư vào Singapore tập trung chủ yếu vào ngành dịch vụ tài chính & bảo hiểm (54%). Ngành buôn bán và bán lẻ, sản xuất chiếm lần lượt 18% và 12%. 7% tổng số vốn FDI được đầu tư vào ngành dịch vụ hỗ trợ, khoa học & kỹ thuật. Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Bất động sản chiếm 3%. Cuối cùng, các ngành khác bao gồm: Dịch vụ lưu trú & Ăn uống; Xây dựng; Thông tin & Truyền thông; Vận chuyển & Lưu kho,... chiếm 6% (xem bảng 3).

Singapore là một quốc gia phát triển và định hướng phát triển trong lĩnh vực tài chính, năng lượng và cơ sở hạ tầng, công nghệ sinh học, du lịch, công nghệ thông tin và truyền thông⁽¹²⁾. Về lĩnh vực tài chính, theo bảng xếp hạng Global Financial Centres Index, Singapore là trung tâm tài chính đứng thứ 4 trên thế giới, sau London, New York, và Hồng Kông⁽¹³⁾. Với

Bảng 3. Cơ cấu vốn FDI vào Singapore theo ngành năm 2017

Ngành	Tỷ lệ %
Dịch vụ tài chính & Bảo hiểm	54
Bán buôn và bán lẻ	18
Sản xuất, chế tạo	12
Dịch vụ hỗ trợ, khoa học & kỹ thuật	7
Bất động sản	3
Khác	6

Nguồn: Cục Thống kê Singapore (DOS - Department of Statistics Singapore),
Dữ liệu thống kê năm 2019

vị trí đó, Singapore đứng thứ 2 trong khu vực châu Á và thứ nhất trong khu vực Đông Nam Á. Trong lĩnh vực năng lượng và cơ sở hạ tầng, Singapore là trung tâm giao dịch dầu và định giá dầu của châu Á. Ngoài ra, quốc gia này cung cấp 70% nhu cầu giàn khoan tự nâng và bể chứa dầu nổi (FPSO - Floating production storage and offloading) trên thế giới. Singapore cũng là trung tâm về công nghệ sinh học với những cơ sở nghiên cứu quy mô hàng đầu trong khu vực. Về du lịch, Singapore là điểm đến nổi tiếng không chỉ trong khu vực mà cả trên thế giới. Đặc biệt, Singapore là một trung tâm y tế du lịch, mỗi năm có khoảng 200.000 người đến đây để khám, chữa bệnh⁽¹⁴⁾. Về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, Singapore là quốc gia đứng đầu trong khu vực Đông Nam Á, xếp hạng thứ 18 trên thế giới về chỉ số phát triển công nghệ thông tin và truyền thông⁽¹⁵⁾. Như vậy có thể thấy, Singapore hiện là quốc gia đang đi đầu trong khu vực về các lĩnh vực chủ chốt, là minh chứng cho thực trạng chênh lệch về khoảng cách phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực so với Singapore, đặc biệt là trong những ngành yêu cầu công nghệ hiện đại, trình độ khoa học và

kỹ thuật tiên tiến. Điều này một phần có thể giải thích cho thực trạng dòng vốn đầu tư của các quốc gia trong khu vực ASEAN vào Singapore còn rất hạn chế.

Mặc dù vậy, tốc độ tăng trưởng FDI từ khu vực ASEAN đã tăng trưởng đều. Trong giai đoạn 2012 - 2014, dòng vốn FDI từ các quốc gia trong khu vực vào Singapore đạt khoảng 31 tỷ USD/năm. Đến năm 2015, Cộng đồng Kinh tế ASEAN chính thức được thành lập cùng với những cam kết mạnh mẽ và đồng nhất của AMS về việc xây dựng một khối sản xuất, thương mại và đầu tư, tạo một thị trường chung trong khu vực, FDI từ các quốc gia trong khu vực đã tăng trở lại với mức tăng trưởng 5%, 12%, và 11% lần lượt trong năm 2015, 2016, và 2017. Năm 2017, con số FDI mà các quốc gia trong khu vực ASEAN đã đầu tư vào Singapore đạt 41 tỷ USD, tăng xấp xỉ 1,5 lần so với năm 2009 và 32% so với năm 2012 (xem bảng 4).

Trong khu vực ASEAN, Malaysia luôn là nước dẫn đầu về việc đầu tư vào Singapore, chiếm khoảng 70% tổng số vốn FDI đầu tư. Đặc biệt hơn, tốc độ tăng trưởng dòng vốn FDI của quốc gia láng

giếng tại Singapore trung bình khoảng 26%/năm trong giai đoạn 2009-2012, tăng trưởng chậm theo xu hướng chung của khu vực và tăng mạnh trở lại sau khi AEC chính thức được hình thành vào năm 2015 trước khi đạt 27 tỷ USD trong năm 2017. Xếp sau Malaysia là Indonesia và Thái Lan là hai quốc gia có số vốn đầu tư tại Singapore lớn trong khu vực. Năm 2009, Indonesia đã đầu tư 2,8 tỷ USD, dao động quanh khoảng 2,3 tỷ USD trong giai đoạn 2010 - 2016 trước khi đạt mốc 4,2 tỷ USD năm 2017. Năm 2009, số vốn đầu tư của Thái Lan vào Singapore chỉ đạt 1,5 tỷ USD, chỉ bằng khoảng 50% so với Indonesia, nhưng tăng trưởng ổn định hơn trong những năm sau đó. Số vốn đầu tư đã giảm dần từ 3,9 tỷ USD năm 2010 xuống 2,8 tỷ USD năm 2012. Sau khi Hiệp định Đầu tư toàn diện ACIA chính thức có hiệu lực (26/03/2012), số vốn đầu tư của các nhà đầu tư Thái Lan vào Singapore tăng trở lại từ năm 2013 (đạt 3 tỷ USD), năm 2014 tăng 0,3 tỷ USD (10%), năm 2015 tăng 0,5 tỷ USD (15%), năm 2016 tăng 1,1 tỷ USD

(28%) và năm 2017 tăng 0,9 tỷ USD (18%), vượt qua Indonesia với tổng số vốn đầu tư đạt 5,8 tỷ USD. Tuy nhiên, tổng số vốn đầu tư của Indonesia và Thái Lan cũng chỉ bằng 1/3 tổng số vốn đầu tư của Malaysia, 10 tỷ USD so với 27 tỷ trong năm 2017. Còn lại là các quốc gia như Brunei, Philippines, Việt Nam, Myanmar, Lào, Campuchia, tổng số vốn đầu tư đạt 1 tỷ USD năm 2009 và 4 tỷ USD năm 2017, tăng gấp 4 lần trong giai đoạn 9 năm hình thành và phát triển của ACIA và AEC (bảng 4).

4. Những thành tựu và hạn chế

+ Thành tựu đạt được của Singapore trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp:

Singapore là một trong những điểm đến ưa thích của các nhà đầu tư nước ngoài: Singapore không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách công bằng, minh bạch, nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư, xây dựng nền chính trị ổn định, kiểm soát chặt chẽ

Bảng 4. Vốn cổ phần của AMS đầu tư tại Singapore, giai đoạn 2009 - 2017

Đơn vị: triệu USD

Quốc gia	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Brunei	234	215	249	272	286	251	239	260	273
Campuchia	1	5	17	17	17	15	16	12	15
Indonesia	2.863	3.144	1.511	2.808	2.058	1.726	2.294	3.198	4.267
Lào	4	2	3	3	28	26	27	34	36
Malaysia	11.665	14.290	17.455	23.066	22.751	23.910	23.820	25.936	27.286
Myanmar	14	33	14	7	25	67	109	174	363
Philippines	794	1.925	1.779	2.175	2.743	2.250	2.765	2.478	3.005
Thái Lan	1.526	3.906	3.054	2.799	3.071	3.334	3.870	4.905	5.850
Việt Nam	21	44	45	18	79	133	280	365	377
Tổng	17.123	23.564	24.126	31.164	31.058	31.713	33.419	37.362	41.471

Nguồn: Cục Thống kê Singapore (DOS - Department of Statistics Singapore).

Dữ liệu thống kê năm 2019

vấn đề tham nhũng, và sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao, đa sắc tộc. Singapore liên tục được Ngân hàng thế giới đánh giá là quốc gia có Chỉ số thuận lợi kinh doanh (EBDI - Ease of Doing Business Index) cao nhất trên thế giới.

Singapore thu hút ngày một nhiều hơn dòng vốn FDI từ các quốc gia thành viên ASEAN, đạt mức tăng 1,5 lần trong giai đoạn 2009 - 2017. Để đạt được kết quả này, Singapore đã đưa ra nhiều đóng góp nhằm hoàn thiện ACIA và hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra của AEC. Nổi bật như việc quốc gia này đề xuất một loạt yêu cầu đề nghị các chính phủ không nên áp đặt lên các nhà đầu tư, và kết hợp những yêu cầu này với ACIA như là một cam kết bắt buộc đối với AMS trong Nghị định thư thứ tư của Hiệp định. Qua đó, Singapore đã góp phần lớn trong việc tháo bỏ những rào cản trong đầu tư, đánh dấu một bước tiến mới trong mối quan hệ hợp tác phát triển giữa các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

+ Một số hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ các quốc gia trong khu vực:

Nguồn vốn đầu tư của các quốc gia trong khu vực ASEAN vào Singapore còn hạn chế và chưa đồng đều. Cụ thể như các quốc gia trong ASEAN 4 (CLMV) và Brunei, tổng số FDI của các nước này chỉ chiếm chưa đến 2% tổng số FDI của khu vực. Lý giải cho hạn chế này, một phần do sự phát triển kinh tế chưa đồng đều và cân bằng giữa các quốc gia trong khu vực và đối với Singapore. Về GDP, các quốc gia trong khu vực ASEAN có tổng sản lượng quốc nội chênh lệch, không đồng đều. Về lĩnh vực chủ chốt, hầu hết các quốc gia thành viên như Indonesia, Thái Lan, Philippines hay Việt Nam phát triển mạnh trong lĩnh vực

nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt thủy hải sản. Đối với Singapore, do điều kiện tự nhiên hạn chế, chính phủ quốc gia định hướng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ. Hạn chế này đặt ra bài toán cho các nhà làm chính sách của các quốc gia trong khu vực nói chung và Singapore nói riêng về việc thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia trong khu vực.

Ngoài ra, mức tăng trưởng dòng vốn FDI của AMS vào Singapore đang có dấu hiệu chậm lại, đòi hỏi Singapore cần đưa ra những sáng kiến hội nhập, định hướng mới trong việc thu hút vốn đầu tư, tận dụng tốt hơn những lợi ích của Hiệp định ACIA và vị thế của quốc gia trong khu vực.

Kết luận

Singapore đứng thứ tư trên thế giới về dòng vốn đầu tư nước ngoài, chỉ sau Mỹ, Trung Quốc, và Hồng Kông, được xếp hạng thứ 2 trên thế giới về Chỉ số thuận lợi kinh doanh. Trong khu vực ASEAN, Singapore đứng đầu trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Là một thành viên quan trọng trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN, với kinh nghiệm, thành quả thực tế trong việc thu hút FDI trên thế giới, Singapore đã có nhiều đóng góp cho khu vực nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý đầu tư, loại bỏ những hạn chế và trở ngại về đầu tư; có cơ chế hợp tác, hỗ trợ và đào tạo về công nghệ cho các quốc gia thành viên ASEAN, tập trung vào sự kết nối, phát triển bền vững và khả năng phục hồi của khu vực. Những nỗ lực của Singapore đã ít nhiều đem lại hiệu quả khi dòng vốn đầu tư trực tiếp từ các quốc gia ASEAN đã tăng trưởng vượt bậc ngay sau khi ACIA được ký kết và

Cộng đồng AEC được hình thành. Bên cạnh những thành quả được thể hiện qua số liệu thực tế mà Singapore đã đạt được, chính những con số này cũng chỉ ra những vấn đề còn tồn tại khi dòng vốn từ các quốc gia trong khu vực ASEAN vào Đảo quốc sư tử còn rất chênh lệch. Trong khi Malaysia, Indonesia, và Thái Lan luôn là những quốc gia đầu tư chủ yếu vào Singapore, thì ngược lại, các quốc gia ASEAN 4 (CLMV) và Brunei có số vốn đầu tư còn rất khiêm tốn. Bên cạnh đó, số liệu thống kê cũng chỉ ra một thực tế rằng, mức độ tăng trưởng FDI từ AMS vào Singapore đang có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Đứng trước những thuận lợi và khó khăn hiện tại, Singapore cần giữ vững vị thế của quốc gia trên thế giới và những thành quả đã đạt được trong lĩnh vực thu hút FDI, ngoài ra, quốc gia này cần nỗ lực hơn nữa trong vai trò đầu tàu xây dựng AEC thành một khu vực kinh tế hoàn thành tất cả 4 mục tiêu đã đặt ra và đang tích cực cải thiện để hướng đến. Để đạt được thành quả này, trước tiên, Singapore nói riêng, AEC nói chung cần đưa ra những phương pháp nhằm nâng cao cấp độ liên kết, thu hẹp khoảng cách phát triển, loại bỏ tối đa những điều kiện hạn chế và trở ngại về đầu tư đang diễn ra trong khu vực với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia và AEC./

CHÚ THÍCH

1. United Nations Conference on Trade and Development (2019), *World Investment Report 2019*, United Nations Publications, New York.
2. Doing Business (2019), *Ease of Doing Business Rankings 2019*, World Bank Group.
3. Vụ Chính sách thương mại - Bộ Công Thương Việt Nam (2019), Thành tựu và định hướng phát triển của Việt Nam trong Trụ cột Cộng đồng Kinh tế ASEAN, <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/thanh-tuu-va-dinh-huong-phat-trien-cua-viet-nam-trong-tru-cot-cong-dong-kinh-te-asean-16201-22.html>>, truy cập ngày 09/08/2019.
4. Điều 3, Phương pháp cắt giảm các rào cản đầu tư giữa các nước ASEAN.
5. Nghị định thư sửa đổi ACIA năm 2014.
6. Thể nhân là người, dưới luật pháp của nước thành viên, là một công dân của quốc gia đó; hoặc có quyền thương trú tại quốc gia thành viên này và quốc gia thành viên khác mà ở đó người này đang hay đã thực hiện đầu tư được công nhận là người thương trú và được tán thành một cách chắc chắn về việc đối xử không có sự phân biệt giữa những người thương trú như họ và công dân của nước thành viên đối với những biện pháp ảnh hưởng tới đầu tư.
7. Điều 1, Nghị định thư thứ hai sửa đổi ACIA năm 2017.
8. Điều 2, Nghị định thư thứ hai sửa đổi ACIA năm 2017.
9. Điều 1, Nghị định thư thứ ba sửa đổi ACIA năm 2018.
10. Isaac D. (2019), *Foreign direct investments from the US to Singapore hit over \$244b*, <<https://sbr.com.sg/economy/exclusive/foreign-direct-investments-us-singapore-hit-over-244b>>, truy cập ngày 02/04/2019.
11. Isaac D. (2019), tldd.
12. Bada F. (2018), WorldAtlas. What Are The Biggest Industries In Singapore?, <<https://www.worldatlas.com/articles/what-are-the-biggest-industries-in-singapore.html>>, truy cập ngày 28/08/2018.
13. Yeandle M. and Wardle M. (2019), *Global Financial Centres Index 26*, Long Finance, United Kingdom.
14. Bada F. (2018), tldd.
15. ITU (2017), ICT Development Index 2017.